

CHƯƠNG VII: QUẢN LÝ NGUỒN VỐN PHI TIỀN GỬI VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Các nguồn vốn phi tiền gửi
- Quản lý nguồn vốn phi tiền gửi
- Vai trò của vốn chủ sở hữu
- Thành phần vốn chủ sở hữu
- Kế hoạch đáp ứng yêu cầu vốn tối thiểu.



Ví dụ

<i>Tài sản</i>	<i>Nợ và VCSH</i>
<p>Các khoản cho vay Các khoản cho vay mới cần thực hiện 100.000.000 USD</p>	<p>Các nguồn vốn để cho vay mới - Tiền gửi mới trong ngày theo dự kiến 50.000.000 USD Làm thế nào để huy động để cho vay mới thêm 50.000.000 USD????</p>



Ví dụ

<i>Tài sản</i>	<i>Nợ và VCSH</i>
<p>Các khoản cho vay Các khoản cho vay mới cần thực hiện 100.000.000 USD</p>	<p>Các nguồn vốn để cho vay mới</p> <ul style="list-style-type: none">- Tiền gửi mới trong ngày theo dự kiến 50.000.000 USD <p>Nguồn vốn phi tiền gửi</p> <ul style="list-style-type: none">- Vay Quỹ liên bang 19.000.000 USD- Vay đô la châu Âu 20.000.000 USD- Hợp đồng mua lại RPs 3.000.000 USD- Vay từ 1 chi nhánh phi NH 8.000.000 USD <p>Tổng số vốn được huy động để cho vay mới 100.000.000 USD</p>



Quản lý nợ là gì?

- Quản lý nợ trong hoạt động NH bao gồm việc vay vốn, chủ yếu là từ các tổ chức tài chính, nhằm đáp ứng các yêu cầu xin vay chất lượng tốt và thoả mãn những đòi hỏi về dự trữ đối với tiền gửi.

7.1. CÁC NGUỒN VỐN PHI TIỀN GỬI

- Vay từ NHTW (Thị trường quỹ LB, NH dự trữ LB địa phương...)
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng (Negotiable CDs).
- Thị trường tiền gửi đô la châu Âu
- Thị trường giấy nợ ngắn hạn
- Sử dụng hợp đồng mua lại
- Các nguồn vốn phi tiền gửi dài hạn: tín phiếu vốn, giấy nợ thứ cấp -> tỷ trọng thấp.
- Vay từ các tổ chức tín dụng khác.
- Vốn phát sinh từ nghiệp vụ uỷ thác, từ tài trợ uỷ thác đầu tư.

7.2. QUẢN LÝ NGUỒN VỐN PHI TIỀN GỬI

- Tổng số tiền vay từ nguồn vốn phi tiền gửi.
- Lựa chọn nguồn vốn phi tiền gửi phù hợp nhất

Tính toán nhu cầu về vốn phi tiền gửi

Khe hở vốn = Cho vay, đầu tư hiện tại và dự tính
– Dòng TG hiện tại và dự tính

Ví dụ: NH nhận được yêu cầu xin vay 150 triệu USD, NH muốn mua 75 triệu tín phiếu kho bạc, và dự đoán KH tốt nhất có thể rút 135 triệu. TG hôm nay là 185 triệu và tuần sau dự đoán là 100 triệu

$$FG = (150+75+135)-(185+100) = 75 \text{ triệu USD}$$

NH sẽ lập kế hoạch sử dụng nguồn vốn phi tiền gửi để bù đắp khe hở vốn ước tính.

Yếu tố xem xét lựa chọn nguồn vốn phi tiền gửi

- ❑ Chi phí tương đối để huy động từ mỗi nguồn vốn
- ❑ Tính rủi ro của mỗi nguồn vốn
- ❑ Yêu cầu kỳ hạn của nguồn vốn
- ❑ Quy mô của ngân hàng
- ❑ Quy định hạn chế đối với mỗi loại tiền gửi.

Chi phí huy động vốn phi tiền gửi

$$\square \text{ Tỷ lệ chi phí thực tế các nguồn vốn TG và phi TG} = \frac{\text{Chi phí trả lãi hiện tại cho số vốn vay} + \text{Chi phí ngoài lãi cho số vốn vay}}{\text{Số vốn thuần huy động được có thể đầu tư}}$$

$$\text{Chi phí trả lãi hiện tại cho số vốn vay} = \text{Lãi suất hiện hành trên thị trường TT} \times \text{Số vốn vay}$$

$$\text{Chi phí ngoài lãi cho số vốn vay} = \text{Tỷ lệ chi phí dự tính cho nhân viên, cơ sở vật chất và giao dịch} \times \text{Số vốn vay}$$

$$\text{Số vốn HĐ thuần có thể được đầu tư} = \text{Tổng số tiền đi vay} - \text{Yêu cầu dự trữ pháp định nếu có} - \text{Yêu cầu bảo hiểm tiền gửi nếu có} - \text{TS không sinh lời}$$

Ví dụ

Lãi suất quỹ LB là 5.5 %, chi phí ngoài lãi cận biên gồm chi phí nhân viên, giao dịch để huy động vốn từ TT quỹ LB là 0.25 %. NH cần thêm 25 triệu vốn trong đó 24 triệu là cho vay, 1 triệu là dùng cho các nhu cầu TM khác trong ngày.

- ❑ Chi phí trả lãi = $0.055 * 25$ triệu = 1,375 triệu
- ❑ Chi phí ngoài lãi = $0.0025 * 25$ triệu = 0,063 triệu
- ❑ Vốn thuần HĐ có thể được đầu tư là 24 triệu
- ❑ **CP thực tế quỹ LB = $(1,375 + 0,063) / 24 = 5.99\%$**

Lãi suất của NHNN quy định

Loại Lãi suất	Giá trị	Văn bản quyết định	Ngày áp dụng
Lãi suất cơ bản	7%/năm	626/QĐ-NHNN ngày 24/03/2009	01/4/2009
Lãi suất tái cấp vốn	7%/năm	837/QĐ-NHNN ngày 10/4/2009	10/4/2009
Lãi suất chiết khấu	5%/năm	837/QĐ-NHNN ngày 10/4/2009	10/4/2009

Tìm hiểu Pháp lệnh Thương phiếu

Điều 322. Thương phiếu

1. **Thương phiếu** là chứng chỉ có giá ghi nhận lệnh yêu cầu thanh toán hoặc cam kết thanh toán không điều kiện một số tiền xác định trong một thời gian nhất định. **Thương phiếu** gồm hối **phiếu** và lệnh **phiếu**.
2. Hối **phiếu** là chứng chỉ có giá do người ký phát lập, yêu cầu người bị ký phát thanh toán không điều kiện một số tiền xác định khi có yêu cầu hoặc vào một thời gian nhất định trong tương lai cho người thụ hưởng.
3. Lệnh **phiếu** là chứng chỉ có giá do người phát hành lập, cam kết thanh toán không điều kiện một số tiền xác định khi có yêu cầu hoặc vào một thời gian nhất định trong tương lai cho người thụ hưởng.

7.3. VAI TRÒ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

- VCSH là nguồn tiền đóng góp bởi những người chủ NH bao gồm chủ yếu cổ phiếu, các khoản dự trữ và lợi nhuận không chia.
- Vai trò:
 - Tầm đệm chống rủi ro phá sản
 - Điều kiện thành lập NH
 - Tạo niềm tin công chúng và đảm bảo với chủ nợ
 - Cung cấp năng lực tài chính cho sự tăng trưởng và phát triển dịch vụ mới, trang thiết bị mới.

Những rủi ro chủ yếu của NH

- ❑ Rủi ro tín dụng
- ❑ Rủi ro thanh khoản
- ❑ Rủi ro lãi suất
- ❑ Rủi ro hoạt động
- ❑ Rủi ro hối đoái
- ❑ Rủi ro tội phạm

Biện pháp phòng chống rủi ro

- ❑ Chất lượng quản lý
- ❑ Đa dạng hóa danh mục đầu tư, địa lý.
- ❑ Bảo hiểm tiền gửi
- ❑ Vốn chủ sở hữu là sự chống đỡ thua lỗ cuối cùng!!!

7.4. THÀNH PHẦN VỐN CHỦ SỞ HỮU NH

- ❑ Cổ phiếu thường
- ❑ Cổ phiếu ưu đãi
- ❑ Thặng dư vốn
- ❑ Lợi nhuận không chia
- ❑ Các khoản dự trữ vốn
- ❑ Giấy nợ thứ cấp có khả năng chuyển đổi
- ❑ Thu nhập từ các công ty thành viên
- ❑ Tín phiếu vốn

Đo lường quy mô vốn của ngân hàng

□ Trị giá vốn sổ sách (GAAP)

Giá trị SS VCSH = GTSS TS – GTSS Nợ

= Mệnh giá vốn CP + Thặng dư vốn + LN không chia
+ Dự phòng tổn thất TD và cho thuê

□ Trị giá vốn RAP

Vốn RAP = Vốn CP của cổ đông (CP thường, LN không chia, dự trữ)+
Cổ phiếu ưu đãi vĩnh viễn + Dự phòng tổn thất TD và cho thuê
+ Giấy nợ thứ cấp có khả năng chuyển đổi+ Các khoản mục khác (TN từ công ty con)

□ Vốn theo giá trị thị trường

Giá trị TT của VCSH = Giá trị TT TS – Giá trị TT Nợ

Giá trị TT của VCSH = Giá TT hiện tại CP* Số lượng CP hiện hành

Xác định vốn chủ sở hữu NH

- ❑ Chất lượng quản lý
- ❑ Đa dạng hóa danh mục đầu tư, địa lý.
- ❑ Bảo hiểm tiền gửi
- ❑ Vốn chủ sở hữu là sự chống đỡ thua lỗ cuối cùng!!!

Tại sao phải có quy định về vốn?

- ❑ Nhằm hạn chế rủi ro phá sản của NH
- ❑ Tạo ra và duy trì niềm tin của công chúng đối với NH
- ❑ Hạn chế những tổn thất cho CP do những yêu cầu về bảo hiểm tiền gửi.

Hiệp định tiêu chuẩn về vốn BASEL

- Năm 1987, Mỹ và 11 quốc gia lớn tuyên bố Hiệp định Basel đưa ra quy định vốn tối thiểu.
- Năm 1993 đưa ra Basel II để hạn chế sự không bình đẳng giữa NH các qg khác nhau và xem xét hoạt động ngoài bảng CĐKT
 - ❖ Vốn NH được chia 2 loại: Vốn cơ sở (loại 1) và vốn bổ sung (vốn loại 2)
 - ❖ Yêu cầu về vốn: $\text{Vốn loại 1} / \text{Vốn loại 2} \geq 4\%$, $\text{Tổng vốn loại 1 và loại 2} / \text{Tổng TS có rủi ro} \geq 8\%$. $\text{Vốn loại 2} \leq 100\% \text{ Vốn loại 1}$.

Quyết định NHNN về vốn tối thiểu

1. Quyết định 457/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/04/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
 2. Quyết định số 03/2007/QĐ-NHNN về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước ban hành để sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
 3. Quyết định số 34/2008/QĐ-NHNN ngày 05/12/2008 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005.
- ❑ Xem QĐ 296, 297, 199, 492 của NHNN để thấy thay đổi trong quyết định 457.
→ Văn bản luôn thay đổi?? 😊 😊 😊 😊 😊 😊

Ví dụ : Tính mức vốn tối thiểu

- Giả sử NHTM có tổng VCSH là \$6,000 và \$100,000 tài sản.

<i>Tài sản</i>	<i>Số tiền USD</i>
Tiền mặt	5.000
Chứng khoán kho bạc Mỹ	20.000
Số dư tiền gửi tại các NH khác	5.000
Cho vay thế chấp nhà	5.000
Cho vay kinh doanh	65.000
Tổng tài sản	100.000
<i>Các khoản mục ngoài bảng</i>	10.000
Thư bảo lãnh tín dụng đối với CKCP	20.000
Hợp đồng cho vay dài hạn với DN chưa thực hiện	30.000
Tổng giá trị khoản mục ngoài bảng	

Ví dụ : Tính mức vốn tối thiểu

(tiếp)

<i>Các khoản mục ngoài bảng</i>	<i>Mệnh giá</i>	<i>Hệ số chuyển đổi</i>	<i>Quy mô tín dụng tương ứng</i>
<i>Các khoản mục ngoài bảng</i>			
Thư bảo lãnh tín dụng đối với CKCP	10.000	100%	10.000
Hợp đồng cho vay dài hạn với DN chưa thực hiện	20.000	50%	10.000
Tổng giá trị khoản mục ngoài bảng	30.000		20.000

Ví dụ : Tính mức vốn tối thiểu

(tiếp)

<i>Nhóm tài sản rủi ro</i>	<i>Mệnh giá</i>	<i>Hệ số rủi ro</i>	<i>Quy đổi TS rủi ro</i>
Ngân quỹ	5.000	0%	0
Trái phiếu CP	20.000	0%	
Số dự tại NH khác	5.000	20%	1.000
Lượng tín dụng tương đương thu BLTD	10.000	20%	2.000
Tổng			3.000
Cho vay bảo đảm bằng BĐS	5.000	50%	2.500
Cho vay kinh doanh	65.000	100%	65.000
Quy mô TD tương đương HĐTD DN	10.000	100%	10.000
Tổng			75.000
Tổng TS rủi ro			80.500

Ví dụ : Tính mức vốn tối thiểu

(tiếp)

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ số vốn hợp lý} \\ \text{theo hiệp định} \\ \text{BASEL} \end{array} = \frac{\text{Tổng vốn (Cấp I+ Cấp II)}}{\text{Tổng TS theo} \\ \text{tỷ lệ RR}} = \frac{6.000}{80.500} = 7.45\%$$

Mức độ thích hợp về vốn của FDIC

- Năm 1992, FDIC và các tổ chức quản lý NH đã đưa ra 5 mức độ về sự thích hợp vốn đối với NH.
 - Mức độ tư bản hóa tốt
 - Mức độ tư bản hóa thích hợp
 - Mức độ thiếu hụt tư bản
 - Mức độ thiếu hụt tư bản nghiêm trọng
 - Mức độ thiếu hụt tư bản trầm trọng

7.5. KẾ HOẠCH ĐÁP ỨNG NHU CẦU VỀ VỐN

- ❑ Thiết lập kế hoạch tài chính tổng thể
- ❑ Xác định quy mô vốn hợp lý
- ❑ Xác định vốn từ lợi nhuận không chia
- ❑ Đánh giá và lựa chọn nguồn vốn phù hợp nhất với những nhu cầu và mục tiêu của NH



Yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tạo vốn

- Nhãn tổ khách quan
- Nhãn tổ chủ quan

Yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tạo vốn

(tiếp)

Nhân tố khách quan

- ✓ Yếu tố kinh tế: lạm phát, cạnh tranh, lãi suất tiền tệ, sự phát triển của TTCK, ...
- ✓ Yếu tố xã hội: thu nhập dân c-, tâm lý tiêu dùng, vị trí địa lý, cơ cấu dân c-, trình độ dân trí...
- ✓ Yếu tố chính trị và chính sách pháp lý: csách tiền tệ thắt chặt hay mở rộng,
- ✓ Hành lang pháp lý: các văn bản luật, d- ới luật có đồng bộ, các chính sách đầu t-, chính sách phát triển nông nghiệp có phát triển đồng bộ...
- ✓ Nhân tố công nghệ: ứng dụng CNTT, hiện đại hóa công nghệ ngành ngân hàng...

Yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tạo vốn

(tiếp)

Nhân tố chủ quan

- ✓ Năng lực của cán bộ ngân hàng: nghiệp vụ, quản lý..
- ✓ Uy tín, thâm niên hoạt động
- ✓ Công nghệ thanh toán
- ✓ Hình thức huy động vốn của NH, mạng l- ới hoạt động, hoạt động khuyến tr- ợng, chính sách tín dụng, chính sách kinh doanh



Các nguồn tăng vốn chủ sở hữu

- Nguồn nội bộ
- Nguồn bên ngoài

Tăng vốn từ nguồn nội bộ

- Tăng vốn từ nguồn lợi nhuận để lại: tránh chi phí huy động vốn, cổ đông không bị loãng quyền kiểm soát, tuy nhiên bị đánh thuế, ảnh hưởng bởi LS, điều kiện kinh tế.
 - Chính sách cổ tức: Tỷ lệ thu nhập giữ lại và tỷ lệ chi trả cổ tức
 - Tốc độ tăng trưởng vốn từ nguồn nội bộ: xem xét NH phải tăng TN như thế nào để duy trì được tỷ số vốn/TS nếu vẫn duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức.

$$\begin{aligned} \text{ICGR} &= \text{ROE} \times \text{Tỷ lệ thu nhập giữ lại} \\ &= \text{NPM} \times \text{AU} \times \text{EM} \times \text{Tỷ lệ thu nhập giữ lại} \end{aligned}$$

Ví dụ: NH dự đoán ROE là 10%, kế hoạch trả cổ tức 50% TNST, TS của NH có thể tăng lên như thế nào nếu NH vẫn duy trì tỉ lệ vốn trên TS hiện tại: $\text{ICGR} = 10\% \times 50\% = 5\%$.

→ Tốc độ tăng TS của NH không thể vượt quá 5%, ngược lại, tỷ lệ vốn/TS không duy trì được ở mức hiện tại.

Tăng vốn từ nguồn bên ngoài

- ❑ Bán cổ phiếu thường
- ❑ Bán cổ phiếu ưu đãi
- ❑ Phát hành tín phiếu vốn và giấy nợ có khả năng chuyển đổi.
- ❑ Bán tài sản
- ❑ Cho thuê tài sản cố định
- ❑ Chuyển đổi chứng khoán nợ thành vốn cổ phần
- ❑ Vay từ các NH khác,

Ví dụ phương án tăng vốn từ bên ngoài

□ Một NH đang có nhu cầu tăng vốn 20 triệu từ bên ngoài. NH hiện có 8 triệu CP thường, với mệnh giá 4USD/CP, giá TT 10USD/CP, có tổng TS là 1 tỷ USD, có 60 triệu USD VCSH. Giả sử NH có thể tạo ra tổng TN là 100 triệu đô la, Chi phí hoạt động là 80 triệu, thuế TN 35%. NH có thể có các phương án huy động vốn sau:

- Phát hành CP mới
- Phát hành CP ưu đãi lãi CP 8% và giá 20USD/CP
- Phát hành trái phiếu chuyển đổi lãi suất là 10%

Hãy lựa chọn phương án tốt nhất với mục tiêu của NH là tối đa hóa thu nhập của cổ đông.

Ví dụ phương án tăng vốn từ bên ngoài (tiếp)

<i>Thu nhập và chi phí</i>	<i>CP thường 10 USD/CP</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi 20USD/CP</i>	<i>Trái phiếu chuyển đổi Lãi suất 10%</i>
Thu nhập ước tính	100 triệu	100	100
Chi phí hoạt động ước tính	80	80	80
Thu nhập ròng	20	20	20
Chi phí trả lãi cho chứng khoán nợ	-	-	2
Thu nhập trước thuế ước tính	20	20	18
Thuế thu nhập 35%	7	7	6,3
Thu nhập sau thuế	13	13	11,7
Thu nhập của CP ưu đãi	-	1,6	-
Thu nhập ròng đối với cổ đông sở hữu CP thường	13 triệu	11,4	11,7
Số cổ phần thường	10 triệu	8 triệu	8 triệu
Thu nhập mỗi cổ phần	1.3 USD	1.43	1.46

Nếu lấy thu nhập cổ đông là mục tiêu, NH sẽ chọn phương án thứ 3